

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới tác động tiêu cực của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn với thanh khoản giảm

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL VN30F2306 đóng cửa ở mức giá tham chiếu

[Thông tin doanh nghiệp]

HHV, EIB

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các vị thế đã mở, có thể cân nhắc chốt lời 1 phần nhỏ tỷ trọng khi các mã mục tiêu vượt đỉnh và đạt lợi nhuận kỳ vọng.

31/05/2024

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,261.72	-0.36
VN30	1,275.97	-0.26
HĐTL VN30F1M	1,270.00	+0.00
HNXIndex	243.09	-0.38
HNX30	537.07	-0.40
UPCoM	95.88	+0.08
USD/VND	25,450	-0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.85	-1
Lãi suất qua đêm (%)	2.72	-48
Dầu (WTI, \$)	77.62	-0.37
Vàng (LME, \$)	2,343.10	+0.00



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,261.72 (-0.36%)
KLGD (triệu CP) 617.7 (-31.4%)
GTGD (triệu U\$) 736.4 (-27.5%)

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới tác động tiêu cực của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn với thanh khoản giảm. Khối ngoại bán ròng 1,434.42 tỷ đồng, tập trung tại VHM (-0.38%), VCB (-1.58%), MWG (+1.27%).

HNXIndex 243.09 (-0.38%)
KLGD (triệu CP) 74.9 (-47.5%)
GTGD (triệu U\$) 53.2 (-47.5%)

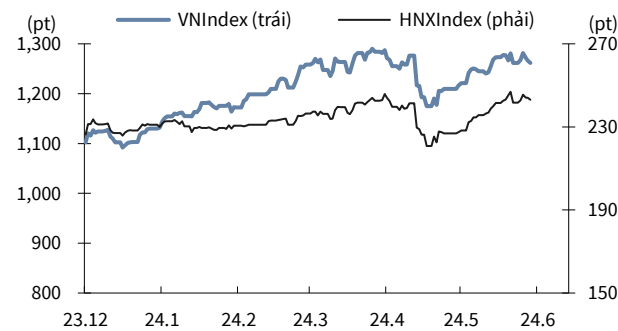
5 tháng đầu năm 2024, cả nước đã xuất khẩu được gần 4.2 triệu tấn gạo, đạt kim ngạch gần 2.7 tỷ USD, tăng gần 15% về lượng và tăng tới hơn 38% về giá trị. Cổ phiếu nhóm Lương thực tăng giá ở PAN (+0.21%), LTG (+4.89%).

UPCoM 95.88 (+0.08%)
KLGD (triệu CP) 101.1 (-45.9%)
GTGD (triệu U\$) 38.2 (-15.0%)

Kết thúc phiên giao dịch ngày 30-5, giá dầu giảm gần 2%, do chịu tác động bởi báo cáo nhu cầu nhiên liệu yếu và tồn kho xăng, nhiên liệu chưng cất ở Mỹ bất ngờ tăng vọt. Cổ phiếu nhóm Dầu khí giảm giá ở PVS (-1.14%), PVD (-1.09%).

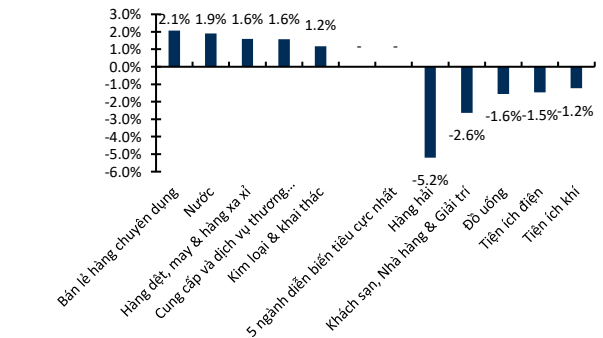
NĐTNN mua ròng (triệu U\$) -60.7

VNIndex & HNXIndex



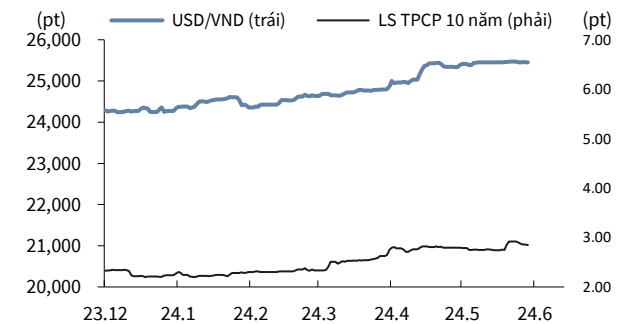
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



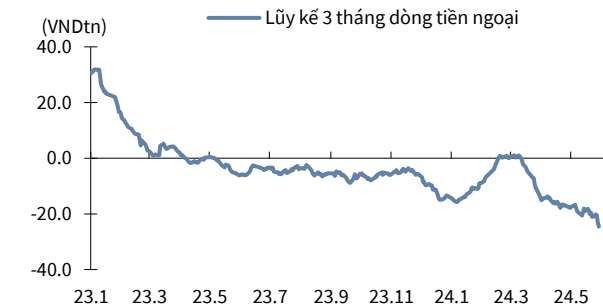
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

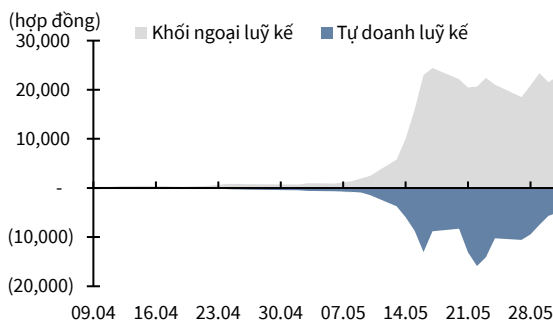
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,275.97 (-0.26%)
VN30F1M	1,270.0 (+0.00%)
Mở cửa	1,270.5
Cao nhất	1,275.2
Thấp nhất	1,266.5
KLGD (HĐ)	203,964 (-19.4%)

HĐTL VN30F2306 đóng cửa ở mức giá tham chiếu. Chênh lệch giữa F2406 và VN30 mở cửa tại -8.19 điểm, sau đó biến động quanh -7.13 điểm và đóng cửa tại -5.97 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

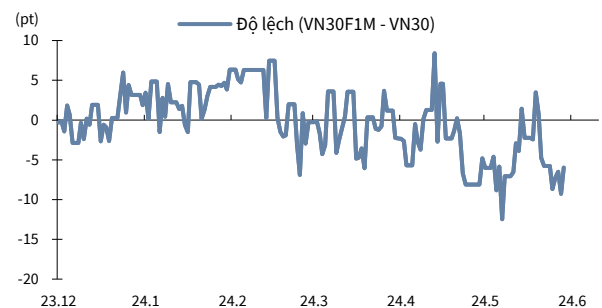
Khối ngoại mua ròng 1,106 HĐTL VN30F2406 và đang duy trì vị thế mua lũy kế 22,638 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK mua ròng 614 hợp đồng nhưng đang duy trì vị thế bán lũy kế 5,047 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



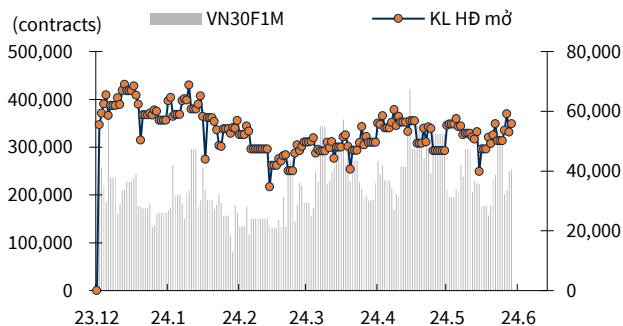
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



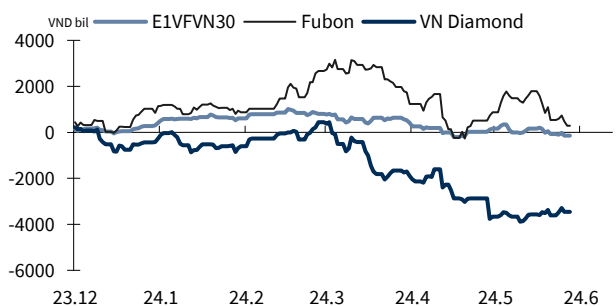
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

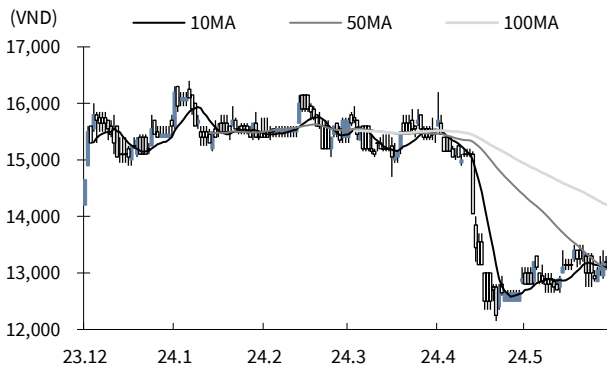
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

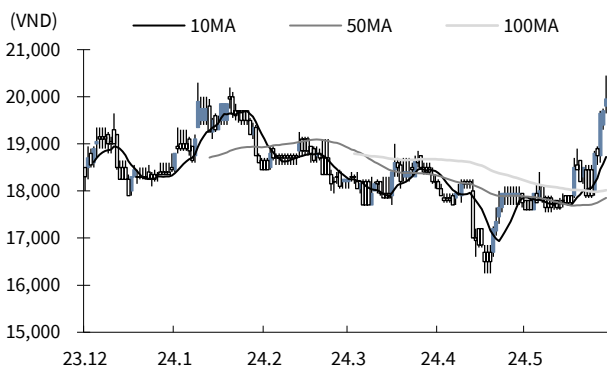
CTCP Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả (HHV)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HHV đóng cửa ở mức giá tham chiếu
- Sáng 31/5, tại Đà Nẵng, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Công ty đặt kế hoạch doanh thu đạt 3,146 tỷ đồng, tăng thêm 17% so với thực hiện năm 2023 (2,685 tỷ đồng) và lợi nhuận sau thuế đạt 404.1 tỷ đồng, tăng thêm 11% so với kết quả nhận được năm 2023 (364 tỷ đồng). Ngay từ quý I/2024, kết quả sản xuất kinh doanh của HHV đã ghi nhận các chỉ số tích cực. Cụ thể, doanh thu quý I/2024 đạt 690 tỷ đồng (+28% YoY). Lợi nhuận sau thuế đạt 114 tỷ đồng (+37% YoY).

Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (EIB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- EIB tăng 1.27% lên 19,950 VND/cp
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam vừa công bố kế hoạch phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và chia cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông. Eximbank sẽ chi trả cổ tức với tỷ lệ 3% bằng tiền mặt, tương đương 300 đồng mỗi cổ phiếu. Tổng số tiền chi trả dự kiến khoảng 522 tỷ đồng từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến năm 2023, sau khi đã trích lập các quỹ. Đây là lần đầu tiên sau 10 năm Eximbank chia cổ tức bằng tiền mặt, kể từ lần cuối vào năm 2014 với tỷ lệ 4%. Ngân hàng cũng dự kiến phát hành thêm 121,86 triệu cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 7%. Sau phát hành, tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ tăng lên hơn 1.868 triệu đơn vị, đẩy vốn điều lệ lên hơn 18,688 tỷ đồng. Quá trình phát hành dự kiến hoàn thành trong năm 2024.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex trải qua một phiên giảm điểm với diễn biến trời sục đan xen.
- Chỉ số không thể tiếp tục duy trì đà hồi phục trong phiên hôm nay và diễn biến tiêu cực hơn khi chịu áp lực rung lắc đáng kể. Vận động của VNIndex đang dần chuyển sang trạng thái giằng co và phe mua thể hiện sự do dự khi sẵn sàng giải ngân bắt đáy giá thấp, tuy nhiên lại không duy trì đà mua đuổi liên tục. Mặc dù vậy, xu hướng tăng điểm trong ngắn hạn vẫn đang được bảo lưu và chỉ số được kỳ vọng sẽ vượt mốc điểm 1300 trong những phiên tới trước khi có thể xuất hiện nhịp điều chỉnh trở lại.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các vị thế đã mở, có thể cân nhắc chốt lời 1 phần nhỏ tỷ trọng khi các mã mục tiêu vượt đỉnh và đạt lợi nhuận kỳ vọng.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1287 – 1291

Kháng cự gần: 1276 – 1278

Hỗ trợ gần: 1264 – 1267

Hỗ trợ xa: 1248 – 1252

— F1 trải qua một phiên giảm điểm với diễn biến trời sập đan xen.

— Chỉ số không thể tiếp tục duy trì đà hồi phục trong phiên hôm nay và diễn biến tiêu cực hơn khi chịu áp lực rung lắc đáng kể. Vận động của F1 đang dần chuyển sang trạng thái giằng co và phe mua thể hiện sự do dự khi sẵn sàng giải ngân bắt đáy giá thấp, tuy nhiên lại không duy trì đà mua đuổi liên tục. Mặc dù vậy, xu hướng tăng điểm trong ngắn hạn vẫn đang được bảo lưu và chỉ số được kỳ vọng sẽ lấy đà hồi phục khi lui về quanh vùng hỗ trợ 126x, và xa hơn tại 1230 (+5)

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, Long tại hỗ trợ, Short tại kháng cự.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ các vị thế Long đã mở.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

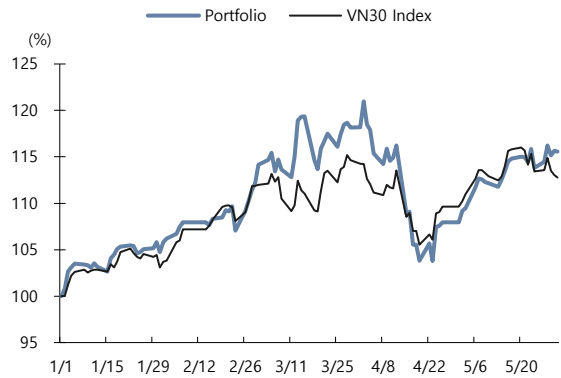
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Khoảng thời gian nắm giữ tiêu chuẩn là 3 tháng. Tuy nhiên danh mục được tái cơ cấu định kỳ vào tuần đầu mỗi tháng.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.26%	-0.04%
Tăng lũy kế (YTD)	12.77%	15.58%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 31/05/2024	Daily return (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
FPT (FPT)	02/05/2024	134,600	-0.3%	8.7%	- Các mảng kinh doanh như CNTT nước ngoài, giáo dục còn nhiều tiềm năng tăng trưởng - Kỳ vọng động lực tăng trưởng dài hạn khi xâm nhập vào mảng chip bán dẫn
PC1 Group (PC1)	01/04/2024	28,350	-0.2%	-0.4%	- Quy hoạch điện VIII thúc đẩy mảng xây lắp điện và sản xuất công nghiệp - Doanh thu bán điện hồi phục khi chuyển pha Lanina trong 2H2024 - Triển vọng dài hạn ở mảng Khu công nghiệp
Vietcombank (VCB)	01/03/2024	87,200	-1.6%	-11.2%	- Tín dụng tăng trưởng bền vững trong năm 2024 - NIM kỳ vọng được duy trì ổn định nhờ chi phí vốn cải thiện - Bộ đệm dự phòng vững chắc
Vietnam Rubber Group (GVR)	01/04/2024	35,150	-2.4%	6.0%	- Mảng cao su của GVR dự kiến ghi nhận mức tăng trưởng từ sự phục hồi đến từ cả giá và lượng - Nam Tân Uyên 3 và Hiệp Thạnh 1 dự kiến bắt đầu cho thuê
Techcombank (TCB)	02/05/2024	47,000	0.4%	0.4%	- Kỳ vọng tăng trưởng tín dụng tích cực hơn khi BĐS có dấu hiệu hồi phục - Ví mô cải thiện giảm bớt áp lực lên chất lượng tài sản - NIM dự kiến hồi phục nhẹ trong 2024
FPT Digital Retail (FRT)	02/05/2024	170,500	3.3%	5.9%	- Long Châu tiếp tục là động lực tăng trưởng trong dài hạn - Ngành hàng ICT có dấu hiệu tạo đáy
Vinamilk (VNM)	01/04/2024	65,400	-0.5%	-3.3%	- Thị phần nội địa dự báo tiếp tục duy trì sau khi thay đổi bộ nhận diện - Biên lợi nhuận tiếp tục duy trì ổn định trong năm 2024 - Thị trường nước ngoài diễn biến tích cực, tiếp đà tăng trưởng trong năm 2024
Kinh Bắc Corp (KBC)	01/04/2024	31,400	-0.3%	-9.9%	- Quỹ đất dồi dào liên tục đảm bảo tiềm năng tăng trưởng trong dài hạn cho KBC - KBC dự kiến sẽ cho thuê được 107 ha đất KCN trong 2024
Dat Xanh Group (DXG)	01/04/2024	16,800	-0.3%	-14.7%	- Dự kiến mở bán hai dự án Gem Sky World và Gem Riverside trong Quý 2,3/2024 - Bàn giao tại dự án Opal Skyline và Gem Skyworld hỗ trợ lợi nhuận 2024
Mobile World Corp (MWG)	02/05/2024	63,600	1.3%	13.6%	- Chuỗi TGDD và ĐMX trên đà hồi phục, kỳ vọng quay trở lại làm trụ cột lợi nhuận chính - Bách Hoá Xanh tăng trưởng ấn tượng, đạt mục tiêu hoà vốn, tiếp tục tối ưu trước khi mở rộng

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
TCB	0.4%	22.2%	62.9
MSN	-0.8%	30.1%	53.2
FPT	-0.3%	48.9%	47.7
HPG	1.2%	22.9%	21.6
DGC	0.8%	19.2%	18.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VHM	-0.4%	17.4%	-674.1
VCB	-1.6%	23.5%	-256.8
MWG	1.3%	48.7%	-129.6
VNM	-0.5%	50.8%	-100.1
MBB	-0.5%	23.2%	-75.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
TNG	3.5%	21.3%	14.0
PVS	-1.1%	20.6%	4.8
TIG	0.7%	9.9%	4.7
VGS	3.7%	0.9%	2.8
BVS	0.0%	5.5%	1.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
IDC	0.0%	23.1%	-14.1
CEO	-1.6%	5.0%	-5.2
MBS	-1.8%	1.8%	-4.6
DTD	-1.2%	7.3%	-4.1
HUT	-0.5%	1.7%	-3.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Máy móc	6.1%	TCH, HHS, SRF, SHA
Bán lẻ hàng chuyên dụng	5.4%	MWG, FRT, CTF, HAX
Tiện ích điện	4.6%	PGV, NT2, PPC, TTA
Giấy & lâm sản	4.0%	DHC, HAP, HHP, VID
Hàng hải	3.6%	VSC, VOS, SKG, VTO

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bao bì & đóng gói	-4.2%	TDP, SVI, MCP, TPC
Ngân hàng	-2.4%	VCB, BID, VPB, TCB
Quản lý & phát triển bất động sản	-1.5%	VHM, VIC, NVL, BCM
Kim loại & khai thác	-0.9%	HPG, HSG, NKG, KSB
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-0.5%	AST, VNG, DSN, DAH

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng hải	30.7%	VSC, VOS, SKG, VTO
Máy móc	21.8%	TCH, HHS, SRF, SHA
Tập đoàn công nghiệp	16.7%	REE, BCG, PET, EVG
Phụ tùng oto	16.7%	DRC, CSM, PAC, TNC
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	15.6%	PLX, PGC, CNG, GSP

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bao bì & đóng gói	-3.2%	TDP, SVI, MCP, TPC
Ngân hàng	-2.5%	VCB, BID, VPB, TCB
Cơ sở hạ tầng & vận tải	0.5%	GMD, LGC, CII, HAH
Quản lý & phát triển bất động sản	1.6%	VHM, VIC, NVL, BCM
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	1.9%	PNJ, TCM, MSH, GIL

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	103,021 (4.0)	22.5	-	-	14.7	-	-	-	-	0.9	-3.1	-2.0	-2.4
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	301,674 (11.9)	26.6	4.4	4.0	35.9	19.0	17.0	0.8	0.7	-0.4	-2.4	-4.8	-10.1
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	172,510 (6.8)	17.8	12.0	10.4	-7.6	10.9	10.9	1.2	1.1	0.7	-2.5	-3.1	-6.7
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	282,937 (11.1)	31.3	-	-	6.7	-	-	-	-	2.1	0.0	-5.2	-15.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	111,646 (4.4)	11.6	37.1	35.1	13.7	5.3	6.8	1.7	1.8	0.4	1.7	3.4	15.3
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	144,197 (5.7)	13.9	55.4	34.6	-	2.3	3.3	-	-	-0.3	0.6	4.0	-13.2
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	125,596 (4.9)	6.3	14.6	12.5	11.7	18.6	17.8	2.4	2.0	-1.6	-3.3	-4.4	8.6
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	73,562 (2.9)	12.7	-	-	-5.3	20.1	20.1	-	-	-1.3	-4.3	-4.3	8.5
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	446,173 (17.5)	0.0	7.5	6.2	14.3	16.4	17.7	1.1	1.0	0.4	1.3	0.9	47.8
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	296,236 (11.6)	1.4	-	-	50.3	-	-	-	-	0.3	-1.8	-2.7	17.7
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	246,812 (9.7)	0.0	9.4	7.7	18.8	11.2	12.9	1.0	0.9	0.3	0.0	-3.0	-6.3
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	388,796 (15.3)	0.0	5.1	4.3	14.6	22.4	23.1	1.0	0.9	-0.5	-3.1	-2.2	16.6
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	179,257 (7.0)	4.2	-	-	23.3	-	-	-	-	0.6	-3.9	-1.5	14.5
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	286,792 (11.3)	14.0	6.0	4.3	26.5	18.8	21.7	0.9	0.8	0.0	-3.0	-1.2	-0.4
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	127,839 (5.0)	0.0	3.1	2.6	37.4	15.8	16.4	1.0	0.9	-0.3	-0.6	-1.4	1.4
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	196,519 (7.7)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	1.3	11.5	11.1	8.7
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	36,196 (1.4)	21.0	19.0	16.4	15.8	8.1	8.9	1.5	1.4	-0.3	0.6	13.7	13.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	11,215 (0.4)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	-1.1	2.3	15.7	24.6
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	529,088 (20.8)	55.4	-	-	-3.2	-	-	-	-	-0.4	-1.6	-1.4	5.8
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	264,301 (10.4)	71.9	-	-	-4.0	15.9	-	-	-	-0.4	-0.9	1.1	11.1
	HCM	HO CHI MINH CITY	15,467	8,907 (387)	224,355 (8.8)	52.4	-	-	-19.0	10.2	-	-	-	-0.3	-0.9	6.7	21.4
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,134	5,734 (249)	289,866 (11.4)	27.2	-	-	36.3	12.1	-	-	-	-0.3	1.1	-1.9	-8.9
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	236,411 (9.3)	42.1	15.5	14.5	4.0	27.9	29.2	4.4	4.2	-0.5	-0.9	0.6	-3.3
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	69,902 (2.7)	36.9	17.6	16.6	7.3	18.0	18.9	3.1	3.1	-1.7	0.5	7.2	-7.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	448,629 (17.6)	16.5	56.9	26.3	-51.9	6.8	12.6	3.9	3.0	-0.8	4.2	14.0	14.3
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	11,598 (0.5)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-2.4	4.2	10.9	-4.9
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	114,634 (4.5)	11.0	-	-	-88.5	-	-	-	-	0.1	-0.8	3.0	-0.8
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	157,499 (6.2)	10.8	20.9	20.0	-57.0	14.9	14.4	2.8	2.6	1.1	0.4	-0.5	18.9
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	89,480 (3.5)	38.4	-	-	65.7	-	-	-	-	-1.1	1.8	6.8	-0.3
Công nghiệp (Tư bản)	CTR	VIETTEL CONSTRUC	55,596	6,360 (276)	62,217 (2.4)	48.0	33.8	27.9	26.2	28.8	31.8	7.9	6.7	1.3	4.0	6.0	43.2
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	316,407 (12.4)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-1.3	1.3	14.2	-1.3
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	103,190 (4.1)	3.6	23.7	15.9	-52.4	3.1	4.6	0.7	0.7	0.1	1.4	9.4	5.4
	REE	REE	39,188	18,419 (800)	96,905 (3.8)	0.0	10.3	8.3	-4.5	10.6	10.5	1.3	1.3	0.5	2.5	16.3	26.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	117,319 (4.6)	46.1	17.0	16.0	-17.5	16.5	16.5	-	-	-1.2	1.4	9.0	6.1
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	20,137 (0.8)	31.4	-	25.8	-10.5	2.0	5.1	1.7	1.7	-1.5	2.0	7.7	-5.9
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	15,489 (0.6)	34.1	8.0	6.5	-5.1	15.6	18.6	-	-	2.8	8.9	22.7	11.9
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	22,714	145,287 (6,314)	765,936 (30.1)	18.0	14.8	10.3	21.9	10.2	12.9	1.6	1.4	1.2	-1.0	10.8	12.6
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	97,768 (3.8)	36.5	18.8	16.6	-0.5	5.3	8.3	1.3	1.2	0.0	1.3	13.9	8.1
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	198,224 (7.8)	46.5	11.7	12.5	-4.5	13.2	15.7	1.9	2.0	-0.4	-0.7	22.3	15.9
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	188,922 (7.4)	38.9	16.3	11.4	67.9	7.9	9.8	1.3	1.2	1.2	1.2	12.4	-4.4
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	65,596 (2.6)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-2.5	7.7	21.2	25.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	97,308 (3.8)	4.6	16.1	14.9	-51.0	11.4	11.5	1.9	1.8	-0.8	0.0	14.8	18.8
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	173,415 (6.8)	39.9	19.8	11.2	-11.9	5.9	11.3	1.3	1.2	-1.1	-0.2	6.4	11.8
	PVT	PETROVIET TRANSP	16,273	5,793 (252)	182,797 (7.2)	35.9	10.4	8.9	2.2	9.8	10.4	1.4	1.2	-2.3	3.1	21.5	25.8
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	679,496 (26.7)	0.0	28.8	20.8	14.4	13.9	16.4	3.6	3.2	1.3	5.1	15.8	48.6
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	150,290 (5.9)	0.0	15.0	13.0	2.4	21.2	21.1	2.9	2.5	1.1	-1.1	-1.2	9.2
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	12,463 (0.5)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-1.6	0.2	1.1	-23.8
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	135,681 (5.3)	30.3	120.1	44.9	-75.2	4.7	20.7	13.9	11.7	3.3	5.9	5.9	59.3
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	28,837 (1.1)	34.6	-	17.7	41.2	-	13.4	2.4	2.2	-0.2	3.2	9.9	24.9
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	2,837 (0.1)	45.4	-	-	10.7	-	-	-	-	-0.1	5.1	8.2	18.7
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	526,434 (20.7)	0.0	22.5	18.1	15.5	28.4	28.9	4.9	4.1	-0.3	2.0	9.3	40.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Trưởng nhóm
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyennd1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienns@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannd@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Trung lập:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

